

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNST
Ngày: 16/02/2022
V/v: “Tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải** – Thẩm phán.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Nhân**
2. Ông **Đỗ Trọng Tuấn**

Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Trung Hậu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố C.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021, về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lâm Kim P**, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: phường B, quận B, thành phố C;

Bị đơn: Ông **Trương Doãn T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: phường B, quận B, thành phố C.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phần trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2021 và trong quá trình tố tụng như sau:

Năm 2003 bà **Lâm Kim P** và ông **Trương Doãn T** tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh C (cũ). Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, có với nhau hai người con chung là **Trương Lâm D.T** (nam), sinh ngày 02/5/2004 và **Trương Tiến Đ** (nam), sinh ngày 10/11/2006. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường hay cãi vã không tin tưởng nhau từ đó ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Năm 2018 bà **P** có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông **T** tuy nhiên do ông **T** đề nghị cho cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà đã rút đơn khởi kiện xin ly hôn nhằm tạo điều kiện cho gia đình một cơ hội cho các con có đủ cha mẹ, tuy nhiên hai năm qua giữa bà và ông **T** không tìm được cách hàn gắn được tình cảm vợ chồng mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm đã không còn nên bà **P** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông **T**.

Về con chung: Giữa bà và ông T có với nhau hai người con chung là Trương Lâm D.T (nam), sinh ngày 02/5/2004 và Trương Tiến Đ (nam), sinh ngày 10/11/2006. Bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/12/2021 cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Trương Doãn T trình bày như sau:

Ông T và bà P kết hôn với nhau từ năm 2003. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn chủ yếu những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình cũng như bất đồng trong việc nuôi dạy con cái. Ông đã nhiều lần hàn gắn nhưng bà P vẫn không thay đổi mà nhất quyết ly hôn. Ông T không đồng ý ly hôn với bà P vì hai con còn nhỏ và ông còn thương vợ.

Về con chung: Giữa ông T, bà P có với nhau hai người con chung là Trương Lâm D.T (nam), sinh ngày 02/5/2004 và Trương Tiến Đ (nam), sinh ngày 10/11/2006. Nếu ly hôn tùy theo nguyện vọng của hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do các bên đương sự không thống nhất được cách giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập được tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn và bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lâm Kim P vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn với ông Trương Doãn T; về con chung: đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung; về tài sản chung, nợ chung: ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông T không thống nhất ly hôn, giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

Giữa bà Lâm Kim P và ông Trương Doãn T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh C (cũ) nay là thành phố C và ông bà có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quận B, thành phố C nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Xét hôn nhân giữa bà Lâm Kim P và ông Trương Doãn T đã phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân theo ông bà do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng kéo dài. Cuộc sống vợ chồng không còn đồng cảm, hạnh phúc, tin tưởng như thời gian đầu chung sống. Nhiều lần ông, bà tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ

chồng nhưng không mang lại kết quả tốt đẹp, vì vậy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương quan tâm và chăm sóc các thành viên trong gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, và P nhất quyết ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đồng thời ông T cũng xác định hiện nay bà P và ông mỗi người sống một nơi. Năm 2018 bà P đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T nhưng vì ông T muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà P đã rút đơn khởi kiện để duy trì gia đình cho cả hai cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên đã hơn hai năm nay giữa ông bà vẫn không tìm được biện pháp hàn gắn, mâu thuẫn xác định đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau đã không còn và nay bà P cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy bà P không muốn duy trì cuộc sống hôn nhân. Đối với ông T, tại phiên tòa ông vẫn không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dù rằng bản thân ông muốn duy trì cuộc hôn nhân nhưng ông xác định bà P đã không còn tình cảm và quan tâm đến ông nữa. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chấp thuận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Kim P đối với ông Trương Doãn T là có cơ sở.

[4] Về con chung: Ông T và bà P cùng thừa nhận ông bà có hai con chung là Trương Lâm D.T (nam), sinh ngày 02/5/2004 và Trương Tiến Đ (nam), sinh ngày 10/11/2006. Ông T đồng ý giao hai con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện bà P đang là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, hai trẻ có văn bản thể hiện nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Như vậy để bảo đảm về điều kiện nuôi dưỡng, sự phát triển về tâm sinh lý và quyền lợi cũng như sự ổn định của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao hai trẻ là Trương Lâm D.T (nam), sinh ngày 02/5/2004 và Trương Tiến Đ (nam), sinh ngày 10/11/2006 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng trông nom, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Hội đồng xét xử dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho ông T, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Đồng thời bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp thuận. Ông T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu chứng minh được bà P không nuôi dưỡng con chung tốt, không đảm bảo đủ các điều kiện để các cháu phát triển toàn diện.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông T yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà Lâm Kim P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Kim P được ly hôn với ông Trương Doãn T .

2. Về con chung: Giao hai trẻ là Trương Lâm D.T (nam), sinh ngày 02/5/2004 và Trương Tiến Đ (nam), sinh ngày 10/11/2006 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T, không ai được cản trở quyền này.

3. Tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lâm Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 0002170 ngày 17/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C thành án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà P đã nộp xong.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố C xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát ND Q.B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Dương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải

